

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 47/2023/TLST - DS ngày 03 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa Tận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa Tận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: Số 17A, đường Đ, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà T: Bà Phan Thị Lệ T

Địa chỉ: Số 54A/18 Nhà Chung, Phường C, thành phố Đ, tỉnh L (Theo văn bản ủy quyền số 0523, quyền số 03/2023TP/CC - SCC/HĐGD ngày 08/3/2023).

Bị đơn: Anh Đàm Bảo L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số 49/21, đường P, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Anh Đàm Trọng T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 4, ngõ 81/46/2, tổ 14, Nghĩa T, Cầu G, Hà N.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đàm Bảo L, Địa chỉ: Số 49/21, đường P, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L (theo văn bản ủy quyền số 1088 quyền số 4/2023TP/CC - SCC/HĐGD ngày 25/4/2023)

2/ Chị Đàm Thị Bích P, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 26, tổ 14, Nghĩa T, Cầu G, Hà N.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đàm Bảo L, Địa chỉ: Số 49/21, đường P, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L (theo văn bản ủy quyền số 1089 quyền số 4/2023TP/CC - SCC/HĐGD ngày 25/4/2023)

3/Cháu Đàm Nguyễn Phương T, sinh năm: 2005.

Địa chỉ: xã Tu Tra, huyện Đ, tỉnh L.

4/Cháu Đàm Thị T T, sinh năm 2010.

Địa chỉ: xã Tu Tra, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu T, cháu T: Bà Nguyễn Thị T (mẹ), địa chỉ: xã Tu Tra, huyện Đ, tỉnh L.

2. Sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nội dung vụ án:

Bà Lê Thị T (người đại diện theo ủy quyền Phan Thị Lệ T) và bị đơn anh Đàm Bảo L; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đàm Trọng T, chị Đàm Thị Bích P (anh Đàm Bảo L là người đại diện theo ủy quyền cho anh T, chị P); bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo pháp luật của cháu Đàm Nguyễn Phương T, cháu Đàm Thị T T thống nhất thỏa Tận về việc chia tài sản Tộc sở hữu chung giữa bà Lê Thị T với ông Đàm Kiên C (đã chết) đối với khối tài sản là nhà đất diện tích 90m² Tộc thửa đất số 156, tờ bản đồ số C- 69 - IV - C - d đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Đàm Kiên C, bà Lê Thị T vào ngày 19/10/2004 tọa lạc tại số 17 (số mới 60), đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4, thành phố Đ và thống nhất chia di sản thừa kế của ông Đàm Kiên C thành 06 kỷ phần bằng nhau, thống nhất giao cho bà Lê Thị T được nhận bằng hiện vật là 1/2 giá trị khối tài sản thừa kế của ông Đàm Kiên C như nêu trên, thống nhất giao cho bà Lê Thị T được quyền sở hữu quản lý, sử dụng và được toàn quyền thực hiện các giao dịch dân sự liên quan đến nhà đất tọa lạc tại số 17 (số mới 60) đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4, thành phố Đ; bà T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nêu trên sang cho bà T theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị T sẽ có trách nhiệm T toán giá trị bằng tiền cho 05 đồng thừa kế gồm anh Đàm Trọng T, chị Đàm Thị Bích P, anh Đàm Bảo L, cháu Đàm Nguyễn Phương T và cháu Đàm Thị T T mỗi kỷ phần là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

2.2 Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn thỏa Tận chịu 600.000đ (*Sáu trăm ngàn đồng*) tiền cho phí xem xét thẩm định tại chỗ.

2.3 Về án phí: Anh Đàm Trọng T, chị Đàm Thị Bích P, anh Đàm Bảo L mỗi người phải chịu 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà Lê Thị T, cháu Đàm Nguyễn Phương T, cháu Đàm Thị T T Tộc trường hợp được miễn án phí theo định.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS.tp Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Thị Lan